

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày: 15-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Ông Trương Minh Khoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành – Thư ký
Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1989 tại: tỉnh An Giang; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã X, huyện Y, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn G; con bà: Đỗ Thị Kim B; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1966; Nơi cư trú: đường A, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2012, Trần Văn T được ông Huỳnh Minh N, kinh doanh cửa hàng đồ điện, số 98 Phùng Hưng, Phường 13, Quận 5 thuê làm công phụ giúp việc giao nhận hàng. Ngày 30 tháng 8 năm 2012, ông N nói T đem hàng qua giao cho Cửa hàng của anh Lưu Thành C, số 33 Vạn Kiếp và thu tiền hàng 11.000.000 đồng. T sử dụng xe máy biển số 51L6-9345 của cửa hàng đi giao hàng cho anh C. Anh C nhận hàng và trả tiền hàng 11.000.000 đồng cho T. Sau

khi nhận được tiền hàng 11.000.000 đồng, T điều khiển xe máy đi luôn không quay lại bàn giao cho ông N. Ông N chờ T lâu không quay về nên điện thoại đến tiệm của anh C hỏi thăm thì được biết T đã nhận đủ số tiền 11.000.000 đồng. Ông N tìm cách liên lạc với T nhưng không được nên đến Công an Phường 13, Quận 5 trình báo sự việc.

Ngày 31 tháng 01 năm 2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và ra quyết định truy nã.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 Công an xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang đã bắt Trần Văn T theo Quyết định truy nã và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T khai nhận: Sau khi được ông Huỳnh Minh N giao xe để đi giao hàng, lấy tiền của cửa hàng anh Lưu Thành C, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng. T không quay về cửa hàng mà bỏ đi luôn, chiếm đoạt số tiền 11.000.000 đồng cùng chiếc xe máy của ông N. Số tiền chiếm đoạt được T đem trả nợ 9.000.000 đồng, rồi lấy xe máy chạy đến Bình Dương sinh sống. Sau đó, T đi đến Vũng Tàu để đi làm theo tàu đánh cá. Chiếc xe máy T để lại ở Vũng Tàu đã bị mất. Ngày 16 tháng 12 năm 2020, T về Vĩnh Hậu, huyện An Phú, An Giang thì bị bắt giữ.

Tại Bản kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 142/HĐĐG ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 5 kết luận: Xe gắn máy hiệu Honda (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0447160), biển số: 51L6-9345, đã qua sử dụng, tỷ lệ mới 50%, giá 7.000.000 đồng/chiếc (Bảy triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Huỳnh Minh N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 30/CTr-VKS ngày 23/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Trần Văn T với mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Huỳnh Minh N số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) theo yêu cầu của ông N.

Bị cáo Trần Văn T không có ý kiến tự bào chữa, tranh luận và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, ngày 30 tháng 8 năm 2012, bị cáo Trần Văn T là nhân viên của Cửa hàng kinh doanh đồ điện do ông Huỳnh Minh N làm chủ, ông N tin tưởng giao cho bị cáo T chiếc xe gắn máy biển số 51L6-9345 để đi giao hàng cho ông Lưu Thành C và nhận tiền 11.000.000 đồng từ ông C về giao lại cho ông N, nhưng bị cáo T sau khi nhận được tiền từ ông C thì chiếm đoạt luôn số tiền và chiếc xe gắn máy biển số 51L6-9345 có trị giá 7.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2018) và có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), có mức hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm, thấp hơn với hình phạt theo điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nên khi xét xử sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Tuy nhiên, về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và các quy định khác không làm bất lợi cho bị cáo nên vẫn áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành.

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vì lợi ích cá nhân muốn có tiền tiêu xài mà đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó,

cần phải có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời đủ sức răn đe đối với những người khác có hành vi tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và hiện đang bị bệnh nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông Huỳnh Minh N với số tiền là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng). Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho ông Huỳnh Minh N số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Huỳnh Minh N có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Phòng PV 06-Công an TP HCM;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền